

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT

Ngày 30-5-2025.

V/v: Tranh chấp chia tài sản của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc: Tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phùng Tồn P sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976; có mặt.

Địa chỉ: Thôn M xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999; địa chỉ: bản LS, xã BH, huyện BY, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lê Nguyên G- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Nguyên G, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 902 chung cư Hoàng Sâm, đường HS, phường ND, quận CG,

thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phùng Thị X sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn KB, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Phùng Thị X là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999; địa chỉ: bản LS, xã BH, huyện BY, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Phùng Tồn N sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022, các bản khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Tồn P trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Tồn P và chị Hoàng Thị L.

Ngày 15/12/2018 giữa anh P, chị L và con trai là Phùng Tồn N có lập Biên bản thoả thuận về việc chia tài sản chung có sự chứng kiến của ông Triệu Văn Q trưởng Thôn M, xã CQH lúc bấy giờ. Nội dung thoả thuận là tài sản chung của anh P, chị L được chia thành 3 phần chia cho anh P, chị L và con trai là Phùng Tồn N mỗi người một phần. Tuy nhiên, sau đó các bên chỉ thực hiện việc chia tiền mặt và 02 mảnh đất thổ cư cùng nhà gỗ trên đất, mà không thực hiện được việc chia tài sản còn lại theo thoả thuận. Vì vậy, anh P đề nghị Tòa án chia tài sản chung của anh với chị L theo quy định của pháp luật bao gồm: 16 mảnh đất đồi trồng quế, 02 mảnh đất ở tại Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Quan điểm của anh Phùng Tồn P là chia toàn bộ 02 lô đất thổ cư và số đồi cây quế nêu trên cho anh một nửa và chị L một nửa, không đồng ý chia tài sản cho các con là Phùng Tồn N và Phùng Thị X

Bị đơn chị Hoàng Thị L, người đại diện của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất về số lượng tài sản chung của chị L và anh P hiện có 16 đồi đất trồng quế và 02 mảnh đất ở tại Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Tại Biên bản thoả thuận ngày 15/12/2018 đã thống nhất chia tài sản chung thành 3 phần gồm anh P 1 phần, chị L 1 phần và cháu N 1 phần. Bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh P về việc chia đồi tài sản chung, mà đề nghị giữ nguyên việc chia tài sản theo Biên bản thoả thuận ngày 15/12/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phùng Tồn N trình bày: Cháu đồng ý với quan điểm của phía bị đơn là chị Hoàng Thị L. Đất do bố mẹ cháu khai

phá, trên đất có trồng quế. Khi bố mẹ cháu đi trồng quế thì cả cháu và chị gái cháu tham gia trồng. Còn cụ thể trồng bao nhiêu cây, bao nhiêu ngày thì cháu không nhớ. Từ cuối năm 2019 sau khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu và mẹ cháu, chị cháu chăm sóc phần cây quế của mẹ cháu, còn ông P chăm sóc phần cây quế của ông được chia. Trong đó có 1.783 cây quế 02 tuổi trồng trên diện tích 2.547m² ở mảnh thứ 13 là do cháu trồng, anh P, chị L không trồng và không có đóng góp gì. Quan điểm của cháu N đề nghị Tòa án xem xét chia theo Biên bản thoả thuận ngày 15/12/2018 của gia đình. Trường hợp ông P yêu cầu chia các tài sản nêu trên thì ông P có trách nhiệm thanh toán cho cháu phần công sức đóng góp trong khai phá đất, tôn tạo đất, chăm sóc cây như mua cây giống, mua phân đạm, thuê người phát cỏ bằng tiền mặt hoặc bằng đôi quế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị X và người đại diện của cháu X trình bày: Đối với việc khai hoang, chăm sóc đôi quế thì cháu X có công sức khai hoang, khai phá đất đai cùng bố mẹ mình là anh P, chị L. Từ ngày anh P không còn chung sống với chị L nữa thì toàn bộ phần đất chị L được nhận theo thoả thuận chia ngày 15/12/2018 thì cháu X, cháu N cùng chị L vẫn phát cỏ, làm đôi và chăm sóc cây quế. Trường hợp anh P yêu cầu chia các tài sản nêu trên thì anh P có trách nhiệm thanh toán cho cháu X phần công sức đóng góp trong khai phá đất, tôn tạo đất, chăm sóc cây như mua cây giống, mua phân đạm, thuê người phát cỏ bằng tiền mặt hoặc bằng đôi quế.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2023 và Kết luận định giá tài sản ngày 26/9/2024 xác định tài sản chung của anh P và chị L gồm 16 nương quế và 02 mảnh đất thổ cư (được đánh số từ thửa số 1 đến thửa số 18, có sơ đồ đo vẽ từng thửa đất); tổng trị giá tài sản chung là cây quế và đất thổ cư của anh P, chị L là 2.946.102.600 đồng (hai tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm linh hai nghìn, sáu trăm đồng). Các bên đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết luận định giá tài sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 157, 165; khoản 2 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; các Điều 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Tồn P về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

1.1. Giao cho anh Phùng Tồn P được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Diện tích 210m² đất tại thửa số 17 của sơ đồ đo đạc, trong đó có 100 m² đất ở trị giá 65.100.000 đồng và 110 m² đất vườn tạp trị giá 2.860.000 đồng. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00924/QSĐĐ/QĐ09UBH do Ủy ban nhân

dân huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 09/12/2000 mang tên hộ ông Phùng Xuân V;

- ½ của 8.502 cây quế 7 tuổi trị giá 495.950.000 đồng/2 = 247.975.000 đồng trên diện tích 10.628,5 m² tại nương quế số 1 của sơ đồ đo đạc;

- 832 cây quế 7 tuổi, trị giá 38.826.667 đồng trên diện tích 1.849 m² tại nương quế số 3 của sơ đồ đo đạc;

- 2.214 cây quế 11 tuổi, trị giá 774.900.000 đồng trên diện tích 4.613 m² tại nương quế số 7 của sơ đồ đo đạc;

- 1.830 cây quế 09 tuổi, trị giá 158.610.000 đồng trên diện tích 5.720 m² tại nương quế số 10 của sơ đồ đo đạc;

- 1.404 cây quế 08 tuổi, trị giá 81.900.000 đồng trên diện tích 3.795 m² tại nương quế số 12 của sơ đồ đo đạc;

- 250 cây quế 03 tuổi, trị giá 5.416.667 đồng trên diện tích 522,3 m² tại nương quế số 14 của sơ đồ đo đạc.

Các tài sản nêu trên đều ở Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Tổng giá trị tài sản mà anh Phùng Tồn P được chia là **1.375.588.334 đồng** (Một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng).

1.2. Giao cho chị Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- Diện tích 219,6 m² đất ở tại thửa số 18 của sơ đồ đo đạc, trị giá 142.959.600 đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BP898739, vào sổ cấp GCN số CH00655 do Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp ngày 04/6/2014 mang tên ông Phùng Tồn P và bà Hoàng Thị L, địa chỉ tại Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái;

- ½ của 8.502 cây quế 7 tuổi trị giá 495.950.000 đồng/2 = 247.975.000 đồng trên diện tích 10.628,5 m² tại nương quế số 1 của sơ đồ đo đạc;

- 877 cây quế 7 tuổi, trị giá 41.192.333 đồng trên diện tích 1.750 m² tại nương quế số 2 của sơ đồ đo đạc;

- 826 cây quế 8 tuổi trị giá 48.183.333 đồng trên diện tích 2.297 m² tại nương quế số 4 của sơ đồ đo đạc;

- 293 cây quế 18 tuổi, trị giá 188.496.667 đồng trên diện tích 1.547 m² tại nương quế số 5 của sơ đồ đo đạc;

- 3.592 cây quế 5 đến 6 tuổi, trị giá 190.997.333 đồng trên diện tích 7.984 m² tại nương quế số 6 của sơ đồ đo đạc;

- 360 cây quế 12 tuổi, trị giá 126.000.000 đồng trên diện tích 1.899 m² tại nương quế số 8 của sơ đồ đo đạc;

- 1.021 cây quế 12 tuổi, trị giá 357.350.000 đồng trên diện tích 5.105 m² tại nương quế số 9 của sơ đồ đo đạc;

- 761 cây quế 06 tuổi, trị giá 35.405.000 đồng trên diện tích 3.044 m² tại

nương quế số 11 của sơ đồ đo đạc;

- 1.667 cây quế 05 tuổi, trị giá 52.788.333 đồng trên diện tích 2.827,9 m² tại nương quế số 15 của sơ đồ đo đạc.

Các tài sản nêu trên đều ở Thôn M, xã CQH, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Tổng giá trị tài sản mà chị Hoàng Thị L được chia là **1.431.347.599 đồng** (một tỷ bốn trăm ba mươi một triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng).

1.3. Giao cho cháu Phùng Tồn N được sử dụng toàn bộ 1.783 cây quế 3 tuổi trên diện tích 2.547 m² và 2.437 cây quế 7 tuổi trên diện tích 4.687m² tại nương số 13 của sơ đồ đo đạc có trị giá là **131.556.667 đồng** (một trăm ba mươi một triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

(Số nương đồi quế nêu trên có đặc điểm giáp ranh được thể hiện theo sơ đồ đo đạc ngày 30 và ngày 31/10/2023).

2. *Về chi phí tố tụng:* Buộc anh Phùng Tồn P phải chịu 46.096.160 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận anh P đã nộp đủ số tiền trên. Buộc chị Hoàng Thị L phải chịu và thanh toán cho anh Phùng Tồn P số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 46.096.160 đồng tiền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh P có đơn yêu cầu thi hành án mà chị L không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương xứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí:* Anh Phùng Tồn P được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Hoàng Thị L phải chịu 54.940.428 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc cháu Phùng Tồn N phải chịu 6.578.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 17/02/2025, bị đơn Hoàng Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phùng Tồn N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

- Ngày 18/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phùng Thị X kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 181/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 20/02/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VY đề nghị: Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Những người kháng cáo gồm bị đơn Hoàng Thị L, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phùng Tồn N, Phùng Thị X đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chia tài sản chung của anh P và chị L theo Biên bản thoả thuận chia tài sản ngày 15/12/2018.

Nguyên đơn Phùng Tồn P đề nghị giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VY; kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định và hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị L, anh Phùng Tồn N, chị Phùng Thị X và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VY, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, xem xét tại phiên tòa, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VY; Đơn kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phùng Tồn N, Phùng Thị X; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VY đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Phùng Tồn P và bị đơn Hoàng Thị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Tồn P và chị Hoàng Thị L. Nay anh P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong quá trình chung sống với chị L, thuộc trường hợp tranh chấp chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn, kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng quan hệ pháp luật là chia tài sản sau khi ly hôn đều không đúng, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về xác định tài sản tranh chấp: Nguyên đơn Phùng Tồn P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung với chị Hoàng Thị L được thể hiện trong Biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2023 gồm 16 thửa đất có trồng cây quế (Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây ghi là Giấy CNQSDĐ) và 02 thửa đất thổ cư (Đã được cấp Giấy CNQSDĐ). Tại Kết luận định giá tài sản ngày 26/9/2024 kết luận giá trị cây quế trồng trên đất và giá trị 02 thửa đất ở của anh P, chị L có tổng giá trị là 2.946.102.600 đồng.

Bản án sơ thẩm cho rằng: “Đối với diện tích đất trồng quế như các đương sự khai là do gia đình khai phá, đất không có giấy tờ gì, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về đất mà chỉ xem xét tài sản là cây quế trên đất. Quá trình giải quyết vụ án toàn bộ 16 đôi nương quế không có tranh chấp gì, số lượng các hộ giáp ranh rất nhiều, địa hình phức tạp nên không cần thiết phải đưa những người này vào tham gia tố tụng”. Từ nhận định trên, Bản án sơ thẩm đã có sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất:* Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các thửa đất, Toà án sơ thẩm không triệu tập các hộ giáp ranh tham dự chứng kiến, không lấy ý kiến của các hộ giáp ranh về ranh giới, mốc giới, diện tích đất, cây trồng trên các thửa đất, để từ đó xác định còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không.

- *Thứ hai:* Đối với 16 thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ, Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các nội dung: Mục đích sử dụng đất, hiện trạng quản lý của từng thửa đất; ý kiến của cơ quan quản lý đất đai về điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ đối với từng thửa đất; xác định cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đang quản lý các thửa đất đang tranh chấp để đưa họ vào tham gia tố tụng. Từ việc xác minh những nội dung trên, mới đủ căn cứ xác định: Thửa đất nào không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ thì chỉ giải quyết chia tài sản trên đất; thửa đất nào đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ thì cần xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất để chia.

- *Thứ ba:* Đối với thửa đất ở có diện tích 100m² được cấp Giấy CNQSDĐ do anh P quản lý sử dụng, nhưng quá trình thẩm định, đo vẽ thì thửa đất này có diện tích 537m² (Thuộc thửa số 17 theo sơ đồ), Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, làm rõ phần diện tích đất tăng về nguồn gốc đất, loại đất, hiện trạng sử dụng, ý kiến của chính quyền địa phương về diện tích đất tăng để giải quyết theo đúng pháp luật.

- *Thứ tư:* Tại giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, chị Hoàng Thị L và cháu Phùng Tồn N đều trình bày đã bán ½ diện tích đất và cây quế tại thửa đất số 1 cho vợ chồng ông Triệu Văn S và bà Triệu Thị O từ năm 2021. Toà án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ có việc mua bán đất và quế như chị Lai và cháu N trình bày hay không, để đưa ông S và bà O vào tham gia tố tụng.

- *Thứ năm:* Bản án sơ thẩm không giải quyết chia 761 cây quế 03 tuổi, trị giá 7.610.000 đồng tại thửa đất số 16 theo sơ đồ là bỏ sót tài sản cần chia.

[4] Về chia tài sản: Bản án sơ thẩm áp dụng nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng theo Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình là không phù hợp, bởi lẽ: anh Phùng Tồn P và chị Hoàng Thị L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Việc giải quyết quan hệ về tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể như sau:

“1. Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập”.

Trong vụ kiện này, giữa các đương sự đã có Biên bản thỏa thuận chia tài sản ngày 15/12/2018, Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đúng về tính hợp pháp và khả thi của các nội dung của Biên bản thỏa thuận, đồng thời chưa xác minh cụ thể những tài sản nào đã được chia theo thỏa thuận, tài sản nào chưa được chia, tài sản nào còn tranh chấp khác với nội dung thỏa thuận, để giải quyết chia tài sản đảm bảo các quyền và nghĩa vụ về tài sản của các bên đương sự.

[5] Về giải quyết chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm quyết định chia cho cháu Phùng Tồn N một phần tài sản trị giá 131.556.667 đồng, nhưng không buộc cháu N phải chịu phần chi phí tố tụng theo tỷ lệ giá trị tài sản được chia là không đúng với quy định tại khoản 2 Điều 157; Điều 158, khoản 2 Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về giải quyết án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nhưng Bản án sơ thẩm vẫn buộc chị L và cháu N chịu án phí là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận Bản án sơ thẩm có những sai sót không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của Hoàng Thị L, Phùng Tồn N, Phùng Thị X và kháng nghị của Viện kiểm sát về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Đương sự kháng cáo là Hoàng Thị L, Phùng Tồn N, Phùng Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp của mỗi người là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2024/0000200 ngày 05/3/2025; số AA/2024/ 0002151 ngày 05/3/2025 và số AA/2024/0002152 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VY;
- Chi cục THADS huyện VY;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người có QL&NV liên quan;
- VP luật sư Lê Nguyên G;
- Lưu: HCTP; Hsơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng